TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 13 – 9 – 2024
Về việc "*Yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Phan Thanh Tòng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Thảo Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2024/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 về việc "Tranh chấp yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn."

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 69/2024/HN-ST ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3064/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2024. Quyết định hoãn phiên tòa số 3343/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Phan Quốc T, sinh năm 1991; (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 1 ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Chị Trương Thị Thúy N, sinh năm 1994; (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà A, khu phố E, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn anh Trần Phan Quốc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Phan Quốc T trình bày:

Anh và chị Trương Thị Thúy N trước đây là vợ chồng, đã ly hôn theo bản án hôn nhân sơ thẩm số 65/2023/HNGĐ-ST ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Trong thời gian chung sống anh và chị N có một con chung là cháu Trần Trương Bảo V, sinh ngày 25/7/2021. Theo bản án trên thì sau khi ly hôn cháu V sẽ do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh có quyền và nghĩa vụ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, sau khi được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì chị N đã xâm phạm quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con của anh một cách nặng nề, nghiêm trọng. Gia đình chị N cản trở anh trong việc thăm nom, chăm sóc con, không thực hiện đúng theo nội dung bản án đã tuyên.

Đồng thời, anh nhận thấy về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị N hiện nay không đáp ứng được cho cháu V có môi trường tốt để cháu sinh sống, học tập và phát triển. Chị N không có thu nhập, không có nghề nghiệp cuộc sống hàng ngày phụ thuộc vào sự chu cấp của cha, mẹ không đảm bảo điều kiện để chăm sóc con.

Do đó, nếu để chị N tiếp tục nuôi con sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của cháu V nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn từ chị N sang cho anh, giao cháu V cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/03/2024, bị đơn chị Trương Thị Thúy N trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về thời gian ly hôn và nội dung của bản án về phần con chung. Sau khi ly hôn, cháu V sống với chị có cuộc sống ổn định, cháu phát triển về thể chất và tinh thần bình thường, chị và cháu V sống chung nhà với cha, mẹ ruột chị. Hiện nay chị làm S tại thành phố B, bán hàng online thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng, tiền cho thuê nhà là 2.500.000 đồng và ba, mẹ chị có cho thêm khoảng 4.500.000 đồng với tổng số tiền này chị đảm bảo được điều kiện nuôi con. Sáng chị đi làm tại thành phố B chiều về nhà với con. Chị cho bé V đi học tại nhà T tại khu phố E, thị trấn M, sáng chị đưa bé đi học chiều rước về. Hằng ngày ba, mẹ chị cũng phụ chăm lo đưa rước cho bé V đi học.

Anh T cho rằng chị và gia đình xâm phạm, cản trở quyền thăm nom, chăm sóc con của anh T là không đúng, chị và gia đình vẫn tạo mọi điều kiện để anh T được thăm nom, chăm sóc con.

Đối với yêu cầu của anh T thay đổi người trực tiếp nuôi con thì chị không đồng ý, do từ khi sinh ra con đã sống với chị và ông, bà ngoại có môi trường sống ổn định, hiện nay con chưa đủ 36 tháng tuổi và chị đảm bảo được điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con nên anh T yêu cầu là không có căn cứ.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 69/2024/HN-ST ngày 07 tháng 6 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Phan Quốc T.

Cụ thể tuyên:

Không chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh Trần Phan Quốc T đối với cháu Trần Trương Bảo V, sinh ngày 25/7/2021 từ chị Trương Thị Thúy N sang cho anh Trần Phan Quốc T.

Chị Trương Thị Thúy N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Trương Bảo V, sinh ngày 25/7/2021 theo bản án hôn nhân sơ thẩm số 65/2023/HNGĐ-ST ngày 09/06/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/6/2024, nguyên đơn anh Trần Phan Quốc T kháng cáo bản án sơ thẩm số 69/2024/HN-ST ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, anh T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với cháu Trần Trương Bảo V, sinh ngày 25/7/2021 từ chị Trương Thị Thúy N sang cho anh nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Trần Phan Quốc T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị Trương Thị Thúy N không đồng ý kháng cáo của anh T, chị N đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Anh T kháng cáo và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Phan Quốc T; Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 69/2024/HN-ST ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của nguyên đơn anh Trần Phan Quốc T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Phan Quốc T kháng cáo và gửi thủ tục kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của anh Trần Phan Quốc T:

[1.1] Tại khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con;

b) Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con…".

[1.2] Anh T cho rằng chị N không có thu nhập, không đảm bảo được điều kiện nuôi con, nếu con ở với chị N sẽ không có môi trường sống tốt. Tuy nhiên, theo lời trình bày của chị N thì hiện nay thu nhập của chị gồm các khoản tiền lương đi làm, tiền cho thuê nhà và được ba mẹ cho thêm, tổng thu nhập là khoảng 13.000.000 đồng. Ngoài ra, chị N thừa nhận còn khoản tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng và có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 30, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre, nên chị đảm bảo được điều kiện nuôi con.

[1.3] Hiện nay, cháu V được đi học tại nhà trẻ B, hằng ngày được mẹ và ngoại đưa rước đi học bình thường. Quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng thừa nhận khi đến thăm con thì thấy con sống vui khỏe, điều kiện của con tốt. Theo biên bản xác minh ngày 15/03/2024 tại địa phương nơi chị N sinh sống cung cấp

thông tin: "*Gia đình chị N có kinh tế tốt, chị N chung sống cùng với cha, mẹ. Gia đình có ý thức pháp luật tốt. Cháu V có sinh sống cùng với chị N, hằng ngày chị N có đưa rước cháu V đi học và mẹ chị N có phụ chăm sóc, đưa rước cháu cùng chị N*". Điều này chứng tỏ chị N nuôi dưỡng cháu V rất tốt.

[1.4] Anh T cho rằng gia đình chị N ngăn cản việc anh thăm con nhưng tại phiên tòa sơ thẩm anh trình bày các lần đến thăm con đều được gặp con. Chị N cho rằng gia đình chị N không ngăn cản anh T thăm nom con mà chỉ đề nghị anh thăm con vào thời gian hợp lý, gia đình vẫn tạo điều kiện cho anh đến thăm con.

[1.5] Mặt khác, anh T và chị N cũng không có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Đồng thời, hiện nay con chung của anh chị dưới 36 tháng tuổi và là bé gái nên cần sự chăm sóc, gần gũi của mẹ nhiều hơn, từ khi sinh ra thì con đã sống với chị N và có cuộc sống ổn định, nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hướng rất lớn đến tâm lý của con. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định, bình thường của con chung cần giao con cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T kháng cáo yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nhưng anh T không có chứng cứ chứng minh việc chị N không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh T cho rằng thu nhập hàng tháng của anh trên 10.000.000 đồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh T thừa nhận thời gian gần đây anh không cấp dưỡng nuôi con theo nội dung bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 65/2023/HNGĐ-ST ngày 09/06/2023 đã có hiệu lực. Như vậy, anh T đã vi phạm nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con.

[2] Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh Trần Phan Quốc T là có căn cứ. Anh T kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới chứng minh tại phiên tòa phúc thẩm nên kháng cáo của anh T không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Trần Phan Quốc T. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia

đình sơ thẩm số 69/2024/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Trần Phan Quốc T phải chịu án phí phúc thẩm (theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Trần Phan Quốc T.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 69/2024/HN-ST ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Phan Quốc T.

Cụ thể tuyên:

1. Không chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh Trần Phan Quốc T đối với cháu Trần Trương Bảo V, sinh ngày 25/7/2021 từ chị Trương Thị Thúy N sang cho anh Trần Phan Quốc T.

Chị Trương Thị Thúy N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Trương Bảo V, sinh ngày 25/7/2021 theo bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 69/2024/HN-ST ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Về án phí sơ thẩm không có giá ngạch (đối với yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn): Anh Trần Phan Quốc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 300.000 đồng

(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003842 ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn anh Trần Phan Quốc T phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền mà anh T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002178 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Anh T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Các đương sự (2b);
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ngọt